

Đào tạo giáo viên gắn với khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn - Hướng đi lưỡng tiện cho tương lai

Trong nền giáo dục hiện đại, hai lĩnh vực có ảnh hưởng sâu bền nhất đến tương lai quốc gia là khoa học cơ bản và đào tạo giáo viên. Một bên tạo ra nền tảng tri thức để xã hội hiểu thế giới, còn bên kia tạo ra đội ngũ tiếp tục truyền tải, mở rộng, chuyển hóa tri thức ấy thành năng lực phát triển của cộng đồng. Lịch sử giáo dục thế giới đã chứng minh rằng khi hai lĩnh vực này được đặt đúng vị thế và vận hành song hành, toàn bộ hệ thống giáo dục của quốc gia vận động mạnh mẽ và bền vững. Ngược lại, khi một trong hai bị xem nhẹ, sự phát triển tri thức trở nên chậm chạp, lệch pha, thậm chí suy thoái.

Từ các “*normal school*” – “trường học bình thường” ở châu Âu thời Khai sáng đến các đại học tổng hợp ở châu Á, mô hình đào tạo giáo viên luôn được đặt cạnh các ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn như một quy luật tự nhiên. Tư duy sư phạm không thể hình thành trong khoảng trống học thuật; và tư duy khoa học cơ bản không thể lan tỏa nếu thiếu một đội ngũ nhà giáo được đào tạo bài bản, có năng lực dẫn dắt thế hệ trẻ. Đó là mối quan hệ cộng sinh mà bất kì hệ thống giáo dục mạnh nào cũng phải duy trì.

Việt Nam đã từng bước đi đúng trên trục phát triển ấy. Ở giai đoạn các trường đại học sư phạm và đại học tổng hợp phát triển mạnh, khoa học cơ bản và khoa học xã hội nhân văn đã cùng đào tạo giáo viên bổ trợ lẫn nhau: khoa học cơ bản và khoa học xã hội nhân văn cung cấp nền tảng tri thức sâu rộng cho đội ngũ giáo viên tương lai; đào tạo giáo viên trở thành kênh lan tỏa tri thức khoa học vào trường phổ thông.

Trong bối cảnh mới của kỉ nguyên AI, khi yêu cầu năng lực học thuật, tư duy khoa học, năng lực thích ứng và năng lực đổi mới sáng tạo trở nên quyết định, việc tái khẳng định mối quan hệ chiến lược giữa đào tạo giáo viên và khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm tương lai tri thức của quốc gia.

Những lệch pha và ngộ nhận của giai đoạn chuyển đổi

Khi nền kinh tế chuyển sang vận động theo quy luật của thị trường, sự trỗi dậy của các ngành kinh tế - quản trị - tài chính đã tạo ra một dịch chuyên giá trị nhanh và mạnh. Trong làn sóng thực dụng ấy, khoa học cơ bản và khoa học xã hội nhân văn cùng hoạt động đào tạo giáo viên bị nhìn nhận qua lăng kính ngắn hạn: khó tạo lợi nhuận trực tiếp, ít hấp dẫn người học, thiếu yếu tố “thời thượng”. Nhiều ngộ nhận từ đó được hình thành, tạo ra tác động dài hạn.

Thứ nhất, quan điểm “xã hội hóa” theo nghĩa giản lược khiến đầu đó có người tin rằng nhà nước nên đầu tư mạnh vào các ngành có lợi nhuận cao, còn các ngành nền tảng như khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn và đào tạo giáo viên có thể tự thu hẹp quy mô. Đây là cách nhìn nhầm lẫn giữa giá trị kinh tế tức thì và giá trị chiến lược dài hạn. Khoa học cơ bản và khoa học xã hội nhân văn giống như hạ tầng tri thức của quốc gia: muốn vững phải đầu tư liên tục. Đào tạo giáo viên giống như nền móng của ngôi nhà: muốn bền phải chăm chút không

ngừng. Không thể dùng thước đo tài chính để định giá những lĩnh vực quyết định cả thế hệ tương lai.

Thứ hai, sự tách rời giữa khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn với khoa học giáo dục trong quá trình sắp xếp, tái cấu trúc ở một số nơi khiến hệ thống đào tạo giáo viên bị suy yếu. Khi các ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn bị đẩy xa khỏi khối sư phạm, chương trình đào tạo giáo viên buộc phải “mỏng hóa” nội dung chuyên môn; giáo viên mới ra trường thiếu chiều sâu tri thức, khó theo kịp yêu cầu mới của giáo dục STEM, giáo dục tích hợp, giáo dục năng lực số. Ở chiều ngược lại, khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn mất đi môi trường sinh sản tự nhiên của mình - trường phổ thông - nơi sự quan tâm, yêu thích và nhân lực kế cận cho nghiên cứu khoa học được hun đúc từ sớm.

Thứ ba, quan niệm xem giáo viên chỉ là người “thực thi” chương trình làm giảm động lực phát triển học thuật. Trong khi đó, giáo dục hiện đại xem giáo viên là “nhà khoa học trong lớp học”: người có khả năng quan sát, phân tích, thử nghiệm, đánh giá tác động và điều chỉnh phương pháp dựa trên chứng cứ. Khi mục tiêu đào tạo giáo viên bị thu hẹp vào kỹ năng nghiệp vụ, chúng ta đã bỏ qua yêu cầu căn bản nhất của thời đại mới: giáo viên phải là lực lượng trí thức có tư duy nghiên cứu, hiểu sâu khoa học, nắm chắc phương pháp luận.

Những lệch pha ấy đang tạo ra một vòng xoáy suy giảm: ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn giảm quy mô, dẫn đến ít sinh viên giỏi, nghiên cứu hạn chế, khó thu hút nhân lực, chất lượng đào tạo giáo viên giảm, phổ thông suy yếu, xã hội mất năng lực khoa học nền tảng. Đây là vòng xoáy nguy hiểm mà nhiều quốc gia đã từng rơi vào và phải mất nhiều thập kỉ mới phục hồi. Kỉ nguyên AI không cho phép chúng ta lặp lại sai lầm đó.

Xu thế toàn cầu: quay về nền tảng để đi xa hơn

Dữ liệu lớn, mô hình tính toán, công nghệ tự động hóa và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi bản chất của lao động và tri thức. Tuy nhiên, các quốc gia phát triển lại đang đi theo logic ngược lại về bề ngoài: họ không đơn thuần tập trung vào công nghệ mà tái đầu tư mạnh mẽ vào khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn và đào tạo giáo viên.

Các trường đại học hàng đầu của Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore đều củng cố các ngành chủ chốt như Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Khoa học xã hội – nhân văn, Tâm lí học và Giáo dục học như “xương sống tri thức” cho mọi ngành nghề. Lí do rất rõ ràng, công nghệ có thể thay đổi nhanh, nhưng cấu trúc tư duy của con người - tư duy logic, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy đạo đức - lại chỉ được hình thành từ nền tảng khoa học rộng và sâu.

Đồng thời, các quốc gia này đặt đào tạo giáo viên ở trung tâm chiến lược. Giáo viên giỏi không chỉ là người dạy chữ, mà là người giúp thế hệ trẻ hiểu thế giới tự nhiên và thế giới con người. Họ là cầu nối giữa khoa học hàn lâm với đời sống, giữa tri thức kinh điển với công nghệ hiện đại. Không có đội ngũ giáo viên mạnh, khoa học cơ bản và khoa học xã hội nhân văn không thể lan tỏa, và công nghệ sẽ trở nên vô cảm, thiếu hướng dẫn đạo đức.

Mô hình chung của thế giới là: đặt khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục ở cạnh nhau; đào tạo giáo viên dựa trên nền tri thức khoa học sâu rộng; xây dựng các trường đại học sư phạm hoặc khối sư phạm nằm trong đại học tổng hợp để tạo ra sự cộng hưởng.

Đây không phải là sự mô phỏng máy móc, mà là kết quả của quy luật: tri thức chỉ mạnh khi hệ thống đào tạo giáo viên và hệ thống khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn cùng nhau phát triển.

Lợi ích chiến lược của mô hình song hành

Khi đặt khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn cạnh đào tạo giáo viên trong một không gian đại học chung, chúng ta không chỉ giải một bài toán tổ chức, mà đang kiến tạo cấu trúc bền vững cho phát triển tri thức quốc gia.

Trước hết là lợi ích học thuật: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Tâm lý học, Triết học... chính là “gốc” của chương trình phổ thông. Khi sinh viên sư phạm được học các môn khoa học ngay tại nguồn, bên cạnh các nhóm nghiên cứu, họ hình thành năng lực khoa học đúng nghĩa: hiểu bản chất, biết phân tích, biết nghiên cứu, biết đổi mới phương pháp dạy học dựa trên tri thức thực chất. Đây là điều kiện tiên quyết để đào tạo giáo viên cho giáo dục STEM, giáo dục số, giáo dục tích hợp.

Tiếp đến là tối ưu hóa nguồn lực: Khi hai hệ đào tạo tách biệt, cơ sở vật chất bị nhân đôi; đội ngũ bị phân mảnh; phòng thí nghiệm bị lặp lại. Mô hình liên thông giúp chia sẻ nguồn lực, giảm chi phí, tăng hiệu quả đầu tư, đồng thời nâng chuẩn nghiên cứu của cả hai lĩnh vực.

Quan trọng hơn, cơ hội của người học được mở rộng: Sinh viên trong môi trường song hành có thể lựa chọn hai lối mở: trở thành giáo viên, hoặc trở thành chuyên gia khoa học, chuyên gia dữ liệu, chuyên viên truyền thông học thuật, cán bộ giáo dục STEM, nhà nghiên cứu giáo dục, chuyên gia đánh giá... Một hệ thống giáo dục có sinh viên linh hoạt thì tự nó cũng có khả năng thích ứng cao trước biến động của thị trường lao động.

Cuối cùng, mô hình song hành giúp tăng sức cạnh tranh quốc gia: Khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn là năng lực nội sinh để một quốc gia tạo ra công nghệ mới, giải pháp mới. Đào tạo giáo viên là lực lượng lan tỏa tri thức đến toàn dân. Một bên xây nền tảng, một bên mở rộng chiều sâu xã hội. Cả hai kết hợp tạo ra sức mạnh tri thức - văn hóa - công nghệ mà không quốc gia nào có thể duy trì nếu thiếu một trong hai trụ cột.

Bước đi chiến lược cho Việt Nam trong kỷ nguyên AI

Nhìn từ những xu thế toàn cầu và bài học của chính Việt Nam, việc tái gắn kết đào tạo giáo viên với khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn không chỉ là khoảng trống chính sách cần lấp đầy, mà là bước đi mang tính định vị quốc gia. Đây là thời điểm quyết định để: *Khôi phục vị thế chiến lược của khoa học cơ, khoa học xã hội nhân văn bản theo nghĩa rộng: bao gồm cả tự nhiên, xã hội – nhân văn và giáo dục học; Xây dựng đội ngũ giáo viên với nền tảng khoa học sâu, tư duy nghiên cứu tốt, năng lực số và năng lực đổi mới sáng tạo; Quy hoạch*

hệ thống đào tạo theo mô hình đại học tổng hợp – sự phạm gắn kết, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và tạo ra sự cộng hưởng học thuật dài hạn.

Khi trí tuệ nhân tạo đang mở ra một kỉ nguyên mới, tương lai không thuộc về những quốc gia chạy theo công nghệ nhất thời, mà thuộc về những quốc gia giữ được “hạ tầng tri thức” và “hạ tầng sự phạm” vững chắc. Việt Nam cần chuẩn bị ngay hôm nay để đảm bảo bản lĩnh tri thức cho ba thập niên tới.

Đào tạo giáo viên gắn với khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn không phải lựa chọn mang tính tổ chức, mà là lựa chọn mang tính chiến lược quốc gia: lựa chọn hướng đi lưỡng tiện, đồng thời giải được hai bài toán lớn - năng lực khoa học và năng lực giáo dục - vốn là cặp đôi quyết định cho phát triển bền vững.

Những quyết định chúng ta đưa ra hôm nay sẽ định hình năng lực cạnh tranh trí tuệ của Việt Nam trong tương lai dài hạn. Giá trị ấy không thể đo bằng một khóa tuyển sinh, học phí, hay thu chi tài chính. Nó phải được đặt trong tầm nhìn chiến lược, toàn diện, liên tục.

Sưu tầm – Bài viết có giá trị tham khảo cho học sinh, phụ huynh khi lựa chọn ngành học trong bối cảnh lịch sử mới.